



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 1

Số 11 (15/01/2010)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

29-12-2009	Quyết định số 5945/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi và khu dân cư phục vụ công nghiệp xã Bình Mỹ và Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.	3
30-12-2009	Chỉ thị số 23/2009/CT-UBND về việc tăng cường hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá.	15
30-12-2009	Quyết định số 5962/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố năm 2009.	20
06-01-2010	Quyết định số 12/QĐ-UBND về ủy quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	25

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

22-12-2009	Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 9.	27
------------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- 22-12-2009 Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cần Giờ. 37
-
- 25-12-2009 Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ. 46
-

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5945/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000
khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi và khu dân cư phục vụ
công nghiệp xã Bình Mỹ và Hòa Phú, huyện Củ Chi,
thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quy chuẩn, tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét nội dung hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi và khu dân cư phục vụ công nghiệp tại xã Bình Mỹ và Hòa Phú, huyện Củ Chi do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phú An Thành lập;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 3583/SQHKT ngày 11 tháng 12 năm 2009 về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi và khu dân cư phục vụ công nghiệp tại xã Bình Mỹ và Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Đông

Nam Củ Chi và khu dân cư phục vụ công nghiệp tại xã Bình Mỹ và Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung chính như sau: (đính kèm hồ sơ lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết).

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

Quy mô khu vực quy hoạch: **342,53ha**.

Trong đó một phần diện tích đất 227,01 ha nằm trong phạm vi xã Bình Mỹ và một phần diện tích đất 115,52ha nằm trong phạm vi xã Hòa Phú, huyện Củ Chi.

Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Phía Đông giáp Tỉnh lộ 9.
- Phía Bắc giáp khu dân cư hiện hữu và Tỉnh lộ 8.
- Phía Tây giáp đường Bến Than.
- Phía Nam giáp đất nông nghiệp và một phần rạch Bà Bép.

Vị trí, giới hạn và phạm vi điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng có điều chỉnh bổ sung diện tích đất để làm tuyến đường từ đường Võ Văn Bích vào khu công nghiệp là 4,15ha (theo Công văn số 6469/UBND-ĐTMT ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố) so với nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 đã được duyệt (theo Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố).

2. Lý do và mục tiêu của đồ án:

- Hình thành khu công nghiệp và khu dân cư tập trung theo hướng đô thị hóa có cơ cấu sử dụng đất hợp lý và hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh.

- Quy hoạch phân khu chức năng sử dụng đất, không gian cảnh quan kiến trúc, quy hoạch mặt bằng các lô đất công nghiệp, đất ở để đáp ứng mọi nhu cầu cho các đối tượng đầu tư công nghiệp và cư trú, nghỉ ngơi với hạ tầng xã hội và quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hoàn chỉnh.

- Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư công nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Tạo cơ sở pháp lý quản lý xây dựng theo quy hoạch và lập dự án đầu tư xây dựng các hạng mục thuộc hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình kiến trúc trong khu vực quy hoạch.

3. Tính chất, chức năng quy hoạch: Là khu công nghiệp tập trung kết hợp với khu dân cư phục vụ công nghiệp.

- Khu công nghiệp: Là khu công nghiệp sạch, có công nghệ tiên tiến nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị cao, công nghệ xử lý không gây ô nhiễm môi trường tạo lợi thế cạnh tranh.

Các ngành ưu tiên thu hút đầu tư vào khu công nghiệp gồm:

+ Cơ khí chế tạo máy: sản xuất và nội địa hóa lắp ráp ô tô, xe máy, các nhà máy vệ tinh, máy móc phục vụ nông nghiệp - công nghiệp, sản xuất máy nông cụ, sản xuất trang thiết bị điện, cáp điện, cơ điện tử, robot công nghiệp, thiết bị y tế, các sản phẩm điện gia dụng và điện công nghiệp, máy móc thiết bị văn phòng, chế tạo thiết bị phụ tùng phục vụ các ngành công nghiệp.

+ Điện tử công nghệ thông tin: sản xuất linh kiện phụ tùng, các sản phẩm điện tử công nghiệp, điện tử dân dụng, điện tử viễn thông, máy vi tính, phần mềm xuất khẩu, các dịch vụ điện tử - tin học nghiên cứu phát triển.

+ Sản xuất các sản phẩm hóa dược, thảo dược và thuốc y tế, sản xuất thực phẩm và đồ uống.

+ Sản xuất vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, dụng cụ thể dục thể thao, các sản phẩm hóa chất công nghiệp nhựa, cao su kỹ thuật cao cấp.

+ Đồng thời dự kiến bố trí các ngành nghề theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010, có tính đến năm 2020”.

- Khu dân cư phục vụ khu công nghiệp: Là khu dân cư tập trung được xây dựng theo hướng khu dân cư đô thị để phục vụ tái định cư trong công tác giải phóng mặt bằng và bồi thường hỗ trợ tái định cư cho người dân trong diện thu hồi đất nhằm ổn định đời sống cho nhân dân trong vùng có dự án khu công nghiệp, cung cấp nhà ở cho chuyên gia và công nhân của khu công nghiệp, đồng thời góp phần tạo thêm quỹ nhà ở xã hội và nhà ở thương mại cho thành phố.

4. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc chủ yếu:

4.1. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu:

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
A	ĐẤT DÂN DỤNG	55,77	100,00	
1	Đất nhóm nhà ở	29,5	52,89	11.000 - 13.000 người

	<i>Nhóm nhà ở tái định cư (nhà liên kế vườn, chung cư)</i>	3,52	6,31	800 - 1.000 người
	<i>Nhóm nhà ở cho công nhân và chuyên gia (chung cư)</i>	7,00	12,55	5.000 - 6.000 người
	<i>Nhóm nhà ở cho các đối tượng khác có nhu cầu</i>	18,98	34,03	5.000 - 6.000 người
	<i>Đất nhà ở liên kế vườn</i>	11,34		3.000 - 3.600 người
	<i>Đất biệt thự vườn</i>	3,93		500 - 600 người
	<i>Đất chung cư</i>	3,71		1.500 - 1.800 người
2	Đất công trình công cộng - dịch vụ đô thị	4,76	8,54	
	<i>Đất thương mại dịch vụ</i>	3,46		
	<i>Đất y tế</i>	0,82		
	<i>Đất văn hóa</i>	0,48		
3	Đất giáo dục	5,63	10,10	Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Phổ thông trung học
4	Đất cây xanh - mặt nước	5,02	9,00	
5	Đất giao thông	10,86	19,47	
B	ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP	286,76	100,00	
1	Đất xây dựng nhà máy	180,66	63,00	
2	Đất kho tàng, bến bãi	19,01	6,63	
3	Đất công trình kỹ thuật đầu mối	3,16	1,10	
4	Đất hành chính - dịch vụ	8,37	2,92	
5	Đất giao thông	38,52	13,43	
6	Đất cây xanh	37,04	12,94	
	<i>Cây xanh - mặt nước cảnh quan</i>	29,88	10,42	
	<i>Mặt nước</i>	7,16	2,52	
	TỔNG CỘNG	342,53		

4.1.1. Cơ cấu sử dụng đất khu công nghiệp:

Số TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
1	Đất xây dựng nhà máy	180,66	63,00
2	Đất kho tàng, bến bãi	19,01	6,63
3	Đất công trình kỹ thuật đầu mối	3,16	1,10
4	Đất hành chính - dịch vụ	8,37	2,92
5	Đất giao thông	38,52	13,43
6	Đất cây xanh	37,04	12,94
	<i>Cây xanh - mặt nước cảnh quan</i>	29,88	10,42
	<i>Mặt nước</i>	7,16	2,52
	TỔNG CỘNG	286,76	100

4.1.2. Cơ cấu sử dụng đất khu dân cư:

TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
1	Đất nhóm nhà ở	29,5	52,89
	<i>Nhóm nhà ở tái định cư (nhà liên kế vườn, chung cư)</i>	3,52	6,31
	<i>Nhóm nhà ở cho công nhân và chuyên gia (chung cư)</i>	7,00	12,55
	<i>Nhóm nhà ở cho các đối tượng khác có nhu cầu</i>	18,98	34,03
	<i>Đất nhà ở liên kế vườn</i>	11,34	
	<i>Đất biệt thự vườn</i>	3,93	
	<i>Đất chung cư</i>	3,71	
2	Đất công trình công cộng - dịch vụ đô thị	4,76	8,54
	<i>Đất thương mại dịch vụ</i>	3,46	
	<i>Đất y tế</i>	0,82	
	<i>Đất văn hóa</i>	0,48	

3	Đất giáo dục	5,63	10,10
4	Đất cây xanh - mặt nước	5,02	9,00
	<i>Đất cây xanh - sân chơi</i>		
	<i>Đất mặt nước</i>		
5	Đất giao thông	10,86	19,47
	TỔNG CỘNG	55,77	100

4.2. Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

SỐ TT	LOẠI CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU
I	KHU CÔNG NGHIỆP		
1	Chỉ tiêu lao động	người/ha	80-120
2	Mật độ xây dựng gộp (brutto)		$\leq 50\%$
	+ Nhà máy, kho tàng	%	Tùy thuộc chiều cao công trình và diện tích lô đất
	+ Hành chính - dịch vụ		$\leq 40\%$
3	Đất cây xanh trong nhà máy		$> 20\%$
4	Chiều cao xây dựng (tối thiểu - tối đa)		Tùy thuộc vào tính chất sản xuất
5	Hệ số sử dụng đất chung		$\leq 2 - 2,5$
6	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật		
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	m ³ /ha	40
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	% nước cấp	80
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	kw/ha	250
	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	tấn/ha	0,5
II	KHU DÂN CƯ		
1	Dân số dự kiến	người	11.000 - 13.000
2	Mật độ xây dựng gộp	%	≤ 40

3	Tầng cao xây dựng (tối thiểu - tối đa)		1 - 6
4	Hệ số sử dụng đất chung		$\leq 2,5$
5	Chỉ tiêu sử dụng đất khu ở	m ² /ng	43 - 50
	+ Đất nhóm nhà ở	m ² /ng	22 - 26
	+ Đất cây xanh, sân chơi	m ² /ng	4 - 5
	+ Đất giáo dục	m ² /ng	4 - 5
	+ Đất công trình dịch vụ đô thị	m ² /ng	3 - 4
	+ Đất giao thông	m ² /ng %	8 - 9 19,47 %
6	Đất cây xanh trong nhóm nhà chung cư		> 20%
7	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật		
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/ng/ngày	180
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	% nước cấp	80
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/ng/đêm	1500 - 2000
	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày	1,3

5. Bố cục phân khu chức năng:

Quy mô toàn khu **342,53ha** chia thành hai khu: Khu 1 rộng **286,76ha** được bố cục làm khu nhà máy công nghiệp, kho tàng, bến bãi, hành chính - dịch vụ và khu 2 rộng **55,77ha** dành để phát triển khu dân cư trong đó có nhà ở và các công trình phục vụ khu công nghiệp dành cho các đối tượng ở như chuyên gia, công nhân, hộ tái định cư cũng như góp phần tạo thêm quỹ nhà ở xã hội và nhà ở thương mại cho thành phố.

Cụ thể:

- Đất xây dựng nhà máy công nghiệp có diện tích 180,66ha bố trí toàn bộ phía Nam rạch Cát và phía Tây rạch Bà Bép. Đất xây dựng kho tàng, bến bãi có diện tích 19,01ha được bố trí thành 2 cụm: Cụm 1: bố trí tiếp cận thông ra tuyến đường Võ Văn Bích; Cụm 2: bố trí tiếp cận đường tỉnh lộ 8. Khu điều hành và dịch vụ công nghiệp có diện tích 8,37ha được bố trí tại ba vị trí công vào khu công nghiệp từ Tỉnh lộ 8 và đường Võ Văn Bích.

- Đất công trình kỹ thuật đầu mối có diện tích 3,16ha gồm: Nhà máy xử lý nước thải bố trí phía Đông rạch Bà Bép và phía Nam khu dân cư, trạm cấp nước bố trí phía

Đông rạch Bà Bép, tiếp giáp với trục đường chính và ở vị trí trung tâm khu công nghiệp và trạm điện bố trí phía Tây Nam khu công nghiệp tiếp giáp đường bao phía Tây.

- Đất nhóm nhà ở có diện tích 29,5ha được bố trí về một góc phía Đông Bắc, tiếp cận trực tiếp tỉnh lộ 9 và khu dân cư hiện hữu dọc Tỉnh lộ 8. Đất xây dựng công trình giáo dục gồm trường dạy nghề, trường trung học cơ sở, trường tiểu học và trường mầm non có tổng diện tích 5,63ha. Việc bố trí trường đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định tại “Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020” phục vụ cho con em sinh sống trong khu dân cư mà còn phục vụ cho con em ở các khu vực lân cận.

- Đất công trình công cộng, dịch vụ đô thị có diện tích 4,76ha. Đất cây xanh - mặt nước có diện tích tổng cộng 37,04ha; tổ chức cây xanh cách ly với khu dân cư có chiều rộng từ 20 đến 50m, giải pháp bố cục kết hợp tổ chức cây xanh tập trung và phân tán để tạo môi trường cảnh quan đẹp cho khu công nghiệp, đồng thời đào thêm hồ điều hòa, mương để thoát nước mưa ở phía Tây khu công nghiệp sẽ góp phần cải tạo vi khí hậu cho khu công nghiệp. Cây xanh dọc theo các tuyến đường kết hợp với phân cây xanh dọc hai bên rạch là giải pháp phân bố cây xanh phân tán trong khu công nghiệp tạo thành mặt nước cảnh quan.

- Mạng lưới rạch, mương: Giữ lại rạch Bà Bép và rạch Cát, giữ lại một đoạn rạch B7 và đào thêm để nối thẳng rạch B7 nối vào mương dự kiến đào ở phía Tây. Tại hành lang cây xanh cách ly ở phía Tây khu công nghiệp đào mương và hồ điều hòa để đón nước mưa từ các lưu vực lân cận.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch giao thông:

- Lộ giới của các tuyến đường trong khu quy hoạch như sau:

+ Các tuyến đường trong khu công nghiệp: Đường Đ4 và Đ10 - đoạn kết nối với đường Tỉnh lộ 8 có lộ giới 40m; đoạn còn lại có lộ giới 29m; Đường N7 - đoạn kết nối với đường Võ Văn Bích (nối từ đường D912 đến đường Võ Văn Bích) có lộ giới là 40m, đoạn còn lại có lộ giới 29m; Các tuyến đường nội bộ trong khu công nghiệp có một bên tiếp giáp với đất cây xanh hoặc đất công trình kỹ thuật (vía hè 1 bên được chiết giảm bề rộng là 3m) có lộ giới 18m; các tuyến đường nội bộ còn lại trong khu công nghiệp (vía hè 2 bên đều rộng 7m) có lộ giới 22m.

+ Các tuyến đường trong khu dân cư: Đường số 7 là đường trục dọc khu dân cư

có lộ giới 28m; Đường Đ12 kết nối trực tiếp với đường nội bộ khu công nghiệp có lộ giới 18m; Đường số 6, đường số 9 có lộ giới 19m, các tuyến đường nội bộ còn lại của khu dân cư có lộ giới 16m.

+ Chỉ giới xây dựng sẽ được quy định cụ thể trong quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc khi có thiết kế đô thị.

6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy hoạch chiều cao (san nền):

+ Tổ chức đắp nền tạo mặt bằng xây dựng, cao độ nền xây dựng lựa chọn cho toàn khu $H_{xd} \geq 2,20m$ (hệ cao độ quốc gia Hòn Dấu).

+ Cao độ thiết kế tại các điểm giao cắt đường là 2,20m; khu vực cây xanh giáp bờ kênh có cao độ 2,20m.

- Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Tổ chức thoát riêng hệ thống thoát nước bản và mưa, cống thoát nước mưa đặt ngầm, kích thước cống tính toán theo chu kỳ tràn cống $T = 3$ năm.

+ Mạng lưới thoát nước mưa tổ chức theo nguyên tắc: bố trí cống dọc theo các trục đường giao thông, tập trung theo các cống chính, kích thước từ 400 đến 2.000 dẫn xả trực tiếp ra rạch đi qua khu đất và kênh đào ở phía Tây.

+ Độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,70m; nôi cống ngang đỉnh, độ dốc cống đảm bảo khả năng tự làm sạch cống.

6.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Giai đoạn đầu sử dụng nguồn nước ngầm khai thác tại chỗ với trạm xử lý nước ngầm công suất 7.800 m³/ngày (60% tổng nhu cầu dùng nước), giai đoạn hoàn chỉnh sử dụng nguồn nước máy thành phố dựa vào tuyến cấp nước $\Phi 600 \div 800$ trên Tỉnh lộ 8 thuộc hệ thống nhà máy nước kênh Đông. Việc khai thác sử dụng nước ngầm phải theo quy hoạch và quy định của ngành tài nguyên - môi trường.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 180 (lít/người/ngày)

- Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp: 40 (m³/ha/ngày)

- Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy: 10 lít/s cho 01 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 02 đám cháy theo TCVN 2622-1995.

- Tổng nhu cầu dùng nước: 13.000 (m³/ngày).

- Phương án bố trí thiết kế mạng lưới cấp nước.

6.4. Quy hoạch cấp điện:

- + Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: 2000 kWh/người/năm.
- + Chỉ tiêu cấp điện công nghiệp: 250 kW/ha.
- + Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22kV Phú Hòa Đông, dài hạn sẽ được bổ sung từ trạm 110/15-22kV xây dựng mới trong khu công nghiệp.
- + Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4kV, sử dụng máy biến áp 3 pha, loại trạm phòng, trạm đơn thân, dung lượng trạm sẽ được quyết định khi xây dựng các nhà máy, xí nghiệp.
- + Cải tạo mạng trung thế 15kV hiện hữu, nâng cấp lên 22kV, dài hạn sẽ được thay thế bằng cáp ngầm.
- + Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, chôn ngầm trong đất.
- + Hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium 150 ÷ 400W - 220V, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.
- + Vị trí và hướng tuyến 110kV đấu nối vào trạm biến áp 110kV xây dựng mới trong khu công nghiệp sẽ được Ban Quản lý dự án lưới điện thành phố thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền.

6.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:**6.5.1. Thoát nước bản:**

- + Giải pháp thoát nước: sử dụng hệ thống thoát nước riêng, nước thải khu quy hoạch được thu gom về trạm xử lý nước thải cục bộ công suất 10.000 m³/ngày xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra rạch Bà Bép.
- + Phương án bố trí thiết kế mạng lưới thoát nước.
- + Lượng nước thải khu công nghiệp: 7.521 m³/ngày (80%Qcấp).
- + Lượng nước thải khu dân cư: 2.545 m³/ngày (80%Qcấp).
- + Điều chỉnh tiêu chuẩn xử lý nước thải xả ra môi trường đạt tiêu chuẩn cột A TCVN 5945-2005.

6.5.2. Rác thải và vệ sinh môi trường:

- + Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,3 kg/người/ngày.
- + Tiêu chuẩn rác thải công nghiệp: 0,5 tấn/ha/ngày.

+ Phương án thu gom và xử lý rác: rác thải được thu gom về trạm ép rác kín trong khu quy hoạch trước khi được vận chuyển về khu xử lý rác tại xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi và khu dân cư phục vụ công nghiệp tại xã Bình Mỹ và Hòa Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh được duyệt:

a) Đối với khu công nghiệp:

- Giao Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố quản lý về các ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp, kiểm soát công nghệ sản xuất và quy trình xử lý ô nhiễm theo Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam nhằm hạn chế ảnh hưởng đến các khu dân cư lân cận khu công nghiệp.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố kiểm tra, theo dõi việc xử lý chất thải của khu công nghiệp ra rạch Bà Bếp, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

b) Đối với khu dân cư:

- Nhóm nhà ở tái định cư: Giao Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng rà soát ưu tiên bố trí cho đối tượng là người dân tái định cư trong khu vực dự án. Phần còn lại Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi có thể bố trí tái định cư hoặc tạm cư cho một số dự án khu công nghiệp khác hoặc các dự án hạ tầng xã hội (trường học, bệnh viện...) do huyện Củ Chi quản lý.

- Nhóm nhà ở cho công nhân và chuyên gia (nhà ở xã hội): giao Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố (Hepza) kiểm soát nhu cầu thuê nhà ở thực tế của lao động làm việc trong khu công nghiệp; Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Hepza và Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi trong quá trình lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và lập dự án, triển khai xây dựng khu nhà ở cho công nhân và chuyên gia thuê, xem xét áp dụng các quy định mới tại Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nhóm nhà ở kinh doanh cho các đối tượng khác có nhu cầu (nhà ở thương mại): giao Hepza chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi kiểm soát việc ưu tiên cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp có nhu cầu mua nhà được đăng ký mua trước khi bán cho các đối tượng khác.

c) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và đơn vị chủ đầu tư hoàn tất thủ tục sử dụng đất và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2009/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2009

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá

Thuốc lá là nguyên nhân của nhiều loại bệnh nguy hiểm gây chết người như ung thư phổi, nhồi máu cơ tim, xơ vữa động mạch... Theo dự báo của Tổ chức Y tế Thế giới vào năm 2020 số người chết do thuốc lá gây ra sẽ nhiều hơn tổng số người chết do HIV/AIDS, lao, tai nạn giao thông. Trước những tác hại to lớn của thuốc lá, ngày 14 tháng 8 năm 2000 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 12/2000/NQ-CP về “Chính sách Quốc gia phòng, chống tác hại thuốc lá” trong giai đoạn 2000 - 2010 và ngày 10 tháng 5 năm 2007 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 12/2007/CT-TTg về việc tăng cường các hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá. Ngày 21 tháng 8 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1315/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước khung về kiểm soát thuốc lá.

Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua đã thực hiện tốt cuộc vận động không hút thuốc lá và tích cực triển khai Chương trình phòng, chống tác hại thuốc lá, các quy định về cấm hút thuốc, quảng cáo thuốc lá. Tuy nhiên tỷ lệ người dân hút thuốc lá vẫn còn cao, nhất là đối tượng trẻ em và học sinh, sinh viên.

Để nâng cao nhận thức người dân về tác hại thuốc lá đối với sức khỏe và kinh tế của bản thân và gia đình, đảm bảo quyền bảo vệ sức khỏe của những người không hút thuốc lá, đồng thời để thực hiện nếp sống văn hóa lành mạnh nơi công cộng, trường học, bệnh viện, công sở, khu vui chơi giải trí... Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Sở - Ban - Ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Mặt trận, đoàn thể các cấp tăng cường thực hiện các hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá với các nội dung như sau:

1. Tăng cường các biện pháp phòng, chống tác hại thuốc lá:

- Hàng năm tổ chức mít tinh, hội thảo hưởng ứng Ngày Thế giới không thuốc lá 31 tháng 5 và Tuần lễ Quốc gia không thuốc lá;

- Các sở - ngành, đoàn thể, quận - huyện tham gia kế hoạch thực hiện chương trình phòng, chống tác hại thuốc lá của thành phố và xây dựng kế hoạch thực hiện phòng, chống tác hại thuốc lá của ngành mình, đơn vị mình.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục về tác hại của thuốc lá dưới nhiều hình thức sinh động, hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các cơ quan công sở và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân, hạn chế tiến tới không sử dụng và mời thuốc lá trong các tiệc cưới, đám tang, lễ hội và trong các cuộc vui của gia đình, bè bạn;

- Thực hiện nghiêm các quy định cấm hút thuốc lá ở nơi làm việc và nơi công cộng: tại các cuộc họp, tại trụ sở cơ quan, nhà trường, nhà trẻ, các cơ sở y tế, rạp hát, các khu vực sản xuất, nơi có nguy cơ cháy nổ cao và trên các phương tiện giao thông công cộng. Tại những nơi cấm hút thuốc lá, phải treo biển có chữ hoặc biểu tượng “Cấm hút thuốc lá”;

- Tại các nơi công cộng như nhà văn hóa, thư viện, nhà thi đấu thể thao, sân vận động có mái che, trung tâm triển lãm, phòng đợi của nhà ga, bến xe, sân bay, bến cảng và khu vui chơi giải trí trong nhà, các nhà hàng, quán bar, karaoke, khách sạn, vũ trường cần bố trí khu vực dành riêng cho người hút thuốc lá;

- Thanh tra các sở - ngành và các đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra xử lý nghiêm các hành vi vi phạm các quy định về phòng, chống tác hại thuốc lá của Chính phủ.

2. Phân công thực hiện:

a) Sở Y tế:

- Chủ trì phối hợp với các sở - ngành, đoàn thể, các quận - huyện để xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện chương trình phòng, chống tác hại thuốc lá; theo dõi việc thực hiện, tổng hợp kết quả và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Chủ nhiệm Chương trình phòng, chống tác hại thuốc lá quốc gia;

- Tổ chức mít tinh, hội thảo, triển lãm về phòng, chống tác hại thuốc lá;

- Đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá trong các cơ sở y tế và xây dựng “bệnh viện không thuốc lá” tiến đến “cơ sở y tế không thuốc lá”;

- Biên soạn và cung cấp các tài liệu truyền thông phòng, chống tác hại thuốc lá và biện pháp cai nghiện thuốc lá cho các sở - ngành, đoàn thể, các quận - huyện để triển khai trong cộng đồng;

- Cùng với Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe phòng, chống tác hại thuốc lá tại cộng đồng và xây dựng các cộng đồng không thuốc lá, khu vực công cộng không thuốc lá.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Phối hợp với Sở Y tế hàng năm tổ chức hội thảo, mít tinh hưởng ứng Ngày thế giới không thuốc lá 31 tháng 5 và Tuần lễ Quốc gia không thuốc lá;

- Phát động phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, khu phố văn hóa, ấp văn hóa không có người hút thuốc; khuyến khích, vận động nhân dân không hút thuốc lá trong các lễ hội, các cuộc vui gia đình, tiệc cưới, đám tang...

c) Sở Thông tin và Truyền thông:

- Tăng cường các hoạt động truyền thông phòng, chống tác hại thuốc lá trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các khu dân cư, khu vực công cộng;

- Kiểm tra và xử phạt hành chính đối với những vi phạm quy định về quảng cáo thuốc lá;

- Phối hợp với Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố và các Báo xây dựng các phóng sự, bài viết về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe, ảnh hưởng của thuốc lá đến kinh tế xã hội; tăng thời lượng phát sóng và đăng tải thông tin về phòng, chống tác hại của thuốc lá, phổ biến pháp luật về phòng, chống tác hại thuốc lá và các biện pháp cai nghiện thuốc lá, hạn chế tối đa việc đăng tải các tác phẩm có cảnh hút thuốc lá.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Phối hợp với Sở Y tế phát động các hội thi tìm hiểu về phòng, chống tác hại thuốc lá, xây dựng các chương trình ngoại khóa về tác hại của thuốc lá cho học sinh các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông nhằm tăng cường kiến thức và kỹ năng phòng, chống tác hại thuốc lá;

- Đẩy mạnh cuộc vận động không hút thuốc lá trong trường học, thực hiện “trường học không thuốc lá”.

đ) Sở Công Thương:

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm khắc những trường hợp vi phạm quy định về kinh doanh thuốc lá điếu, bán buôn, bán lẻ thuốc lá và quảng cáo khuyến mại thuốc lá;

- Phối hợp lực lượng cảnh sát kinh tế, tăng cường các biện pháp ngăn chặn và xử lý nghiêm việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thuốc lá giả, thuốc lá nhái nhãn, mác; tiếp tục tăng cường kiểm tra chống buôn lậu thuốc lá;

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định về việc bán lẻ thuốc lá và cấm bán thuốc lá cho trẻ em dưới 18 tuổi theo đúng Nghị quyết số 12/2000/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ;

- Tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất thuốc lá trong việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn chất lượng sản xuất thuốc lá điều;

- Chỉ đạo các doanh nghiệp không được phép đầu tư mở rộng hoặc đầu tư vượt quá tổng năng lực sản xuất thuốc lá điều hiện tại đã được cấp giấy phép;

- Phối hợp với Sở Y tế kiểm tra vệ sinh an toàn lao động của công nhân và vệ sinh an toàn của sản phẩm thuốc lá ở các nhà máy sản xuất thuốc lá.

e) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan trong việc quản lý đầu tư ngành công nghiệp thuốc lá theo quy định của Chính phủ; chủ động đề xuất các biện pháp xử lý đối với các cơ sở liên doanh hợp tác sản xuất với nước ngoài vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại thuốc lá.

g) Công an thành phố:

- Phối hợp với lực lượng quản lý thị trường tăng cường kiểm tra chống buôn lậu thuốc lá;

- Xây dựng phong trào toàn dân tự giác tham gia chống buôn lậu, vận chuyển, kinh doanh và tiêu thụ thuốc lá nhập lậu.

h) Sở Tài chính:

Cân đối, đảm bảo kinh phí cho các hoạt động của chương trình phòng, chống tác hại thuốc lá trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các sở - ngành, địa phương theo chế độ quy định.

i) Ủy ban nhân dân các quận - huyện và phường - xã, thị trấn:

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phòng, chống tác hại thuốc lá trên địa bàn quận, huyện;

- Đẩy mạnh hoạt động thông tin về phòng, chống tác hại của thuốc lá, phát các tin, bài về phòng, chống tác hại thuốc lá, xây dựng các cộng đồng dân cư không thuốc

lá, khu vực công cộng không thuốc lá trên hệ thống loa truyền thanh tại các xã - phường, thị trấn;

- Mỗi quận, huyện chọn một phường - xã, thị trấn để chỉ đạo điem xây dựng cộng đồng không thuốc lá để rút kinh nghiệm nhân rộng trên toàn địa bàn.

k) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể thành phố phối hợp với ngành y tế thành phố và các cơ quan nhà nước có liên quan vận động các tầng lớp nhân dân hưởng ứng và tham gia tích cực vào các hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá để bảo vệ sức khỏe và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Mặt trận, đoàn thể các cấp tích cực hưởng ứng thực hiện các hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá, từng bước tiến đến xây dựng thành phố văn minh hiện đại không thuốc lá./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5962/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu chương trình
mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố năm 2009**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 1547/QĐ-BKH ngày 19 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 và Quyết định số 260/QĐ-BKH ngày 19 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2008/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán và phân bổ ngân sách năm 2009 và Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm kinh tế - xã hội năm 2009;

Căn cứ Công văn số 14618/BTC-NSNN ngày 16 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thực hiện dự án Phòng, chống dịch sốt xuất huyết và Công văn số 14925/BTC-NSNN ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thực hiện dự án Phòng, chống bệnh tăng huyết áp và dự án Phòng, chống bệnh đái tháo đường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 8397/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 12 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kinh phí của các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về dân số, kế hoạch hóa gia đình và chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2009 do Sở Y tế quản lý và giao bổ sung chỉ tiêu chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố năm 2009 cho dự án Phòng, chống dịch sốt xuất huyết; dự án Phòng, chống bệnh tăng huyết áp và dự án Phòng, chống bệnh đái tháo đường thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS với tổng kinh phí là 5.769,7 triệu đồng (Năm tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng) cho Sở Y tế (đính kèm danh mục chương trình mục tiêu quốc gia giao cho Sở Y tế).

Điều 2. Sau khi nhận được chỉ tiêu điều chỉnh, bổ sung ban hành kèm theo Quyết định này, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan tiến hành phân bổ, giao chỉ tiêu cho các đơn vị trực thuộc theo đúng chỉ tiêu kế hoạch được giao; tổ chức thực hiện và báo cáo tiến độ định kỳ hàng quý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân thành phố; trường hợp có yêu cầu cần điều chỉnh, bổ sung, phải trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác không đề cập vẫn giữ nguyên như Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 và Quyết định số 54/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố năm 2009.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ DỰ ÁN LỚN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5962/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Đơn vị thực hiện	Đơn vị tính	Kế hoạch điều chỉnh năm 2009			Ghi chú
				Vốn sự nghiệp			
				Tổng số	Trung ương	Địa phương	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình	Triệu đồng	7.033	6.355	678	
1.1	Dự án tuyên truyền, giáo dục chuyên đổi hành vi	-nt-	Triệu đồng	1.915	1.915	0	
1.2	Dự án nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình	-nt-	Triệu đồng	3.144	3.144	0	
1.3	Dự án đảm bảo hậu cần và đẩy mạnh tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai	-nt-	Triệu đồng	166	154	12	
1.4	Dự án nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình	-nt-	Triệu đồng	817	251	566	
1.5	Dự án nâng cao chất lượng thông tin chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình	-nt-	Triệu đồng	463	463	0	
1.6	Dự án thử nghiệm, mở rộng một số mô hình, giải pháp	-nt-	Triệu đồng	100	0	100	
1.7	Đề án kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển	-nt-	Triệu đồng	428	428	0	

	Nhiệm vụ:						
	Mức giảm tỷ lệ sinh		‰	0,1			
	Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai		Triệu người	375.560			
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS		Triệu đồng	5.769,7	5.769,7	0,0	
2.11	Dự án Phòng, chống dịch sốt xuất huyết	Trung tâm Y tế dự phòng thành phố	Triệu đồng	1.550,0	1.550	0	
2.12	Dự án Phòng, chống tăng huyết áp	Bệnh viện Nguyễn Trãi	Triệu đồng	3.534,7	3.534,7	0	
2.13	Dự án Phòng, chống đái tháo đường	Trung tâm Dinh dưỡng	Triệu đồng	685,0	685,0	0	
	Nhiệm vụ:						
	Số người dân được bảo vệ phòng, chống sốt rét		Nghìn người	15,0			
	Số lượt bệnh nhân được điều trị bệnh sốt rét		Bệnh nhân	2.500,0			
	Tỷ lệ bệnh nhân được điều trị khỏi bệnh lao		%	>85			
	Số người được khám để phát hiện bệnh phong		Nghìn người	400,0			
	Tỷ lệ người nhiễm HIV được chăm sóc, quản lý, tư vấn		%	75,0			
	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ 6 loại vaccine		%	>90			

	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em cân nặng theo tuổi		%	<7,6			
	Số xã được triển khai dự án bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng		Xã	322,0			
	Số bệnh nhân tâm thần được chữa ổn định		Bệnh nhân	7.237,0			
3	Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Y tế	Triệu đồng	2.970	1.837	1.133	
3.1	Dự án nâng cao quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Y tế	Triệu đồng	358	358	0	
3.2	Dự án thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Y tế	Triệu đồng	1.503,5	986,5	517	
3.3	Dự án tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua đường thực phẩm	Sở Y tế	Triệu đồng	40	40	0	
3.4	Dự án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thức ăn đường phố	Sở Y tế	Triệu đồng	1.068,5	452,5	616	
	<i>Nhiệm vụ:</i>						
	Tỷ lệ dân mắc ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân		Dân mắc/100.000 dân	10,0			

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về ủy quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,
quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 16 tháng 9 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở và Điều 121 Luật Đất đai ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 38/2004/TTLT-BTNMT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Tổ chức phát triển quỹ đất;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số

9294/TTr-TNMT-TTĐK ngày 22 tháng 12 năm 2009 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 3853/STP-VB ngày 17 tháng 12 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và đóng dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ khoản 1 và 2 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố và Công văn số 7150/UBND-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sở hữu công trình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2009/QĐ-UBND

*Quận 9, ngày 22 tháng 12 năm 2009***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động
của Phòng Nội vụ quận 9****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và Thông tư số 06/2008/TT-BNV ngày 21 tháng 8 năm 2008 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục III Phần I Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 229/TTr-NV ngày 21 tháng 12 năm 2009 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 9.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 9 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 9.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các phòng, ban thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Tám

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 9
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 9)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Phòng Nội vụ quận là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận.

Phòng Nội vụ quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ.

2. Chức năng

Phòng Nội vụ quận có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tổ chức, biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp Nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; cán bộ, công chức phường; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua khen thưởng.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Nội vụ quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận các văn bản hướng dẫn về công tác nội vụ trên địa bàn và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

4. Về tổ chức, bộ máy:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các cơ quan chuyên môn quận theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Trình Ủy ban nhân dân quận quyết định hoặc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

c) Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các tổ chức sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập các tổ chức phối hợp liên ngành quận theo quy định của pháp luật.

5. Về quản lý và sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp:

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp hàng năm;

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp;

c) Giúp Ủy ban nhân dân quận tổng hợp chung việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp quận và Ủy ban nhân dân phường.

6. Về công tác xây dựng chính quyền:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội theo phân công của Ủy ban nhân dân quận và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Thực hiện các thủ tục để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê chuẩn các chức danh lãnh đạo của Ủy ban nhân dân phường; giúp Ủy ban nhân dân quận trình Ủy ban nhân dân thành phố phê chuẩn các chức danh bầu cử theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận xây dựng đề án thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn để Ủy ban nhân dân quận trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, mốc, chỉ giới, bản đồ địa giới hành chính của quận;

d) Giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc hướng dẫn thành lập, giải thể, sáp nhập và kiểm tra, tổng hợp báo cáo về hoạt động của khu phố, tổ dân phố trên địa bàn quận theo quy định; bồi dưỡng công tác cho các chức danh ở khu phố, tổ dân phố.

7. Giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc hướng dẫn, kiểm tra tổng hợp báo cáo việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, phường trên địa bàn quận.

8. Về cán bộ, công chức, viên chức:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc tuyển dụng, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá; thực hiện chính sách, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức;

b) Thực hiện việc tuyển dụng, quản lý công chức phường và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách phường theo phân cấp.

9. Về cải cách hành chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận triển khai, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cùng cấp và Ủy ban nhân dân phường thực hiện công tác cải cách hành chính ở địa phương;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận về chủ trương, biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn quận;

c) Tổng hợp công tác cải cách hành chính ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân quận và thành phố.

10. Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn.

11. Về công tác văn thư, lưu trữ:

a) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận chấp hành chế độ, quy định của pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ;

b) Hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ về thu thập, bảo vệ, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận và Lưu trữ quận.

12. Về công tác tôn giáo:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

13. Về công tác thi đua, khen thưởng:

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân quận tổ chức các phong trào thi đua và triển khai thực hiện chính sách khen thưởng của Đảng và Nhà nước trên địa bàn quận; làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng trên địa bàn quận; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

14. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về công tác nội vụ theo thẩm quyền.

15. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Giám đốc Sở Nội vụ về tình hình, kết quả triển khai công tác nội vụ trên địa bàn.

16. Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về công tác nội vụ trên địa bàn.

17. Quản lý tổ chức, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Nội vụ theo quy định của pháp luật và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận.

18. Quản lý tài chính, tài sản của Phòng Nội vụ theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

19. Giúp Ủy ban nhân dân quận quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường về công tác nội vụ và các lĩnh vực công tác khác được giao trên cơ sở quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Nội vụ có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng (không quá 03 người) và cán bộ, công chức.

a) Trưởng Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nội vụ về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về nội vụ trên địa bàn quận được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Nội vụ quận tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân quận có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Nội vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Môi quan hệ công tác

1. Đối với Sở Nội vụ:

Phòng Nội vụ chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp

vụ của Sở Nội vụ, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Nội vụ chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với Ban Tổ chức Quận ủy:

Phòng Nội vụ phối hợp, bàn bạc với Ban Tổ chức Quận ủy trong việc giải quyết những vấn đề về tổ chức cán bộ thuộc diện Quận ủy quản lý theo yêu cầu của Thường trực Ủy ban nhân dân quận (đề bạt, bổ nhiệm, xây dựng kế hoạch, quy hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức) đồng thời thường xuyên liên hệ với Ban Tổ chức Quận ủy để nắm được chủ trương của cấp ủy qua từng thời kỳ về công tác tổ chức và cán bộ, qua đó có kế hoạch thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Nội vụ tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

6. Đối với Ủy ban nhân dân các phường

- a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;
- b) Hướng dẫn cán bộ phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trưởng Phòng Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp.

Điều 9. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành mới có giá trị./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Thị Tám

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2009/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 22 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện - quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 78/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện;

Căn cứ Quyết định số 16/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện về thành lập Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 108/TTr-NV ngày 21 tháng 12 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Thủ trưởng các ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

Chương I VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân huyện; đồng thời chịu sự hướng dẫn; kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chức năng:

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại nông thôn; kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn; thực hiện việc phòng, chống thiên tai như: lụt, bão... và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật, bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành, lĩnh vực công tác ở địa phương.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình khuyến khích phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện dự thảo các văn bản về lĩnh vực chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, các quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý được giao.

4. Tổ chức thực hiện công tác phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và nghề muối; công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh trên địa bàn.

5. Tổ chức bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; công trình nuôi trồng thủy sản; công trình cấp, thoát nước nông thôn; công trình phòng, chống lụt, bão, triều cường; quản lý mạng lưới thủy nông trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; thực hiện các biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, bảo vệ rừng, trồng rừng và khai thác lâm sản, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn.

7. Đầu mối phối hợp tổ chức và hướng dẫn thực hiện nội dung liên quan phát triển nông thôn; tổng hợp tình hình, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện việc xây dựng và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện về các lĩnh vực: phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn; khai thác và sử dụng nước sạch nông thôn; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

8. Thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản, diễn biến rừng; tổ chức thực hiện các biện pháp canh tác

phù hợp để khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và nghề muối.

9. Quản lý các hoạt động dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản; vật tư nông lâm nghiệp, phân bón và thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện.

10. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến diêm và các dự án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện.

11. Giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

12. Giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật.

13. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra và thanh tra việc thi hành pháp luật; tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

14. Xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện và tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện chương trình, kế hoạch, phương án tổ chức thực hiện công tác phòng, chống thiên tai (lụt, bão, động đất, sóng thần...) trên địa bàn. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ huy Phòng, chống, lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn; các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng của huyện theo quy định; đề xuất phương án, biện pháp và tham gia chỉ đạo việc phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai về lụt, bão, sạt lở, hạn hán, úng ngập, xâm nhập mặn và dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện.

15. Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện các đề án di dời dân sống ở những nơi ven sông, ven biển, vùng trũng thấp và bị ảnh hưởng của thiên tai; chịu trách nhiệm về việc đề xuất các chính sách hỗ trợ và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao về các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản,

thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

17. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Trưởng phòng và không quá 3 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ và toàn bộ hoạt động của Phòng;

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn huyện được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm tình hình cụ thể, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ quản lý nông nghiệp, diêm nghiệp, phát triển nông thôn;
- Tổ quản lý thủy lợi, phòng chống lụt bão, di dời dân;
- Tổ quản lý thủy sản;

- Tổ quản lý lâm nghiệp, phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, phát triển hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở huyện...

- Tổ Hành chính.

Điều 4. Biên chế

Số lượng biên chế của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho huyện hàng năm và được điều chỉnh tăng giảm theo tính chất và khối lượng công việc. Trưởng phòng chịu trách nhiệm tuyển chọn, bố trí cán bộ, công chức, viên chức dựa vào các tiêu chuẩn do Nhà nước quy định.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định về các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan phải thể hiện trong lịch

công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Môi quan hệ công tác

1. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố:

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố; thực hiện chế độ báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân huyện về những mặt công tác đã được phân công;

Định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện:

Thực hiện môi quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân huyện, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của huyện. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

Cán bộ tham gia các Hội đồng tư vấn, Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Ban điều hành, Tổ liên ngành... do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thành lập phải có trách nhiệm tham mưu đề xuất và chịu trách nhiệm về những đề xuất của mình, đồng thời có trách nhiệm thông tin cho lãnh đạo Phòng về những nội dung, chương trình công tác của cơ quan đó.

4. Đối với Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm

ngành, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; về thực hiện các biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, bảo vệ rừng, trồng rừng và khai thác lâm sản; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn.

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức các xã - thị trấn về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, xã - thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của huyện:

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện có mối quan hệ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, xã, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của huyện để tuyên truyền hướng dẫn tham gia vận động các tổ chức và cá nhân chấp hành tốt các quy định của pháp luật, các chủ trương, chính sách, các quy định chế độ, tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức và cá nhân tham gia ý kiến với Phòng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của ngành.

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi được Ủy ban nhân dân huyện quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt qua thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự thỏa thuận của Trưởng Phòng Nội vụ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2009/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 25 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện - quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 73/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;

Căn cứ Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện về thành lập Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 110 /TTr-NV ngày 24 tháng 12 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Thủ trưởng các ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND

ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.

2. Chức năng:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên đất, tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; khí tượng; thủy văn; đo đạc, bản đồ và các vấn đề về biển; vệ sinh môi trường; rác thải.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân các văn bản hướng dẫn việc thực hiện các chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý tài nguyên và môi trường.
2. Trình Ủy ban nhân dân huyện quy hoạch, kế hoạch về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện sau khi quy hoạch, kế hoạch được duyệt.
3. Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân huyện xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai các xã - thị trấn; kiểm tra việc thực hiện sau khi được xét duyệt; Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đai hàng năm, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện và trình Ủy ban nhân dân huyện xét duyệt; công bố và quản lý việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Lập kế hoạch khai thác nguồn nước và khoáng sản trên địa bàn huyện.
4. Trình Ủy ban nhân dân huyện chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường.
5. Tổ chức đăng ký, xác nhận và kiểm tra thực hiện cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn; lập báo cáo hiện trạng môi trường theo định kỳ; đề xuất các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, các cụm công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn; thu thập, quản lý lưu trữ dữ liệu về tài nguyên nước và môi trường trên địa bàn; hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quy định về hoạt động và tạo điều kiện để tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả.
6. Giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước đối với các tổ chức kinh tế, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất.
8. Quản lý và theo dõi những biến động về đất đai; cập nhật, chỉnh lý các tài liệu về đất đai và bản đồ phù hợp với hiện trạng sử dụng đất theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.
9. Tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thống kê, kiểm kê, đăng ký đất đai; lập và quản lý hồ sơ địa chính.

10. Hướng dẫn và kiểm tra việc sử dụng, bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước.

11. Quản lý hoạt động đo đạc bản đồ, quản lý hoạt động khai thác tài nguyên nước và tài nguyên khoáng sản trên địa bàn.

12. Bảo vệ môi trường; phòng chống, khắc phục suy thoái, ô nhiễm, sự cố môi trường, hậu quả thiên tai; báo cáo hiện trạng môi trường theo định kỳ.

13. Quản lý vệ sinh đô thị bao gồm quản lý hoạt động quét dọn, thu gom, vận chuyển rác và xử lý chất thải rắn; quản lý các nghĩa trang và dịch vụ mai táng trên địa bàn theo phân cấp.

14. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện; thu thập, quản lý, lưu trữ, tư liệu về tài nguyên và môi trường.

15. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan trong việc lập đường dây nóng để tiếp nhận giải đáp kịp thời các kiến nghị và thường xuyên tổ chức, kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; giúp Ủy ban nhân dân huyện giải quyết tranh chấp, khiếu nại về tài nguyên và môi trường, sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

16. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật.

17. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin về tài nguyên và môi trường và tổ chức thực hiện sau khi được xét duyệt.

18. Quản lý tổ chức, biên chế, tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân huyện.

19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

20. Tham mưu và chịu trách nhiệm liên đới trước Ủy ban nhân dân huyện mọi hoạt động của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Có ý kiến về công tác chuyên môn cũng như các hoạt động khác theo quy chế riêng do Ủy ban nhân dân huyện ban hành.

21. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân huyện giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ Phòng Tài nguyên và Môi trường có các tổ công tác như sau :

- Tổ Tài nguyên: có nhiệm vụ giải quyết các hồ sơ về lĩnh vực đất đai; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc, bản đồ, địa giới hành chính; các hồ sơ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản, khí tượng, thủy văn.

- Tổ Môi trường: có nhiệm vụ giải quyết các vấn đề về môi trường, phòng chống, khắc phục suy thoái, ô nhiễm, sự cố môi trường, hậu quả thiên tai; giải quyết kịp thời các khiếu nại phản ánh các vấn đề nóng về ô nhiễm môi trường trên địa bàn; ô nhiễm (do các hoạt động công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp gây ra), thu phí môi trường; tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn thi hành pháp luật và quy định về bảo vệ môi trường; quản lý vệ sinh môi trường (quản lý vệ sinh đường phố, công tác thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt, rác y tế, rác công nghiệp), dịch vụ mai táng.

- Tổ Pháp chế - Tổ Tổng hợp: có nhiệm vụ tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ liên quan đến công tác của các tổ chuyên môn. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về đất đai; phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra thi hành pháp luật về đất đai; các tranh chấp; khiếu nại về môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, khí tượng, thủy văn; phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra thi hành pháp luật về tài nguyên và môi trường.

Điều 4. Biên chế

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trong tổng biên chế hành chính của huyện trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho huyện hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

- Hàng tuần, lãnh đạo Phòng giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phương hướng công tác cho tuần sau.

- Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách các bộ phận họp định kỳ hàng tuần với các bộ phận của Phòng để đánh giá công việc và triển khai công tác tới.

- Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan một lần để kiểm điểm công tác trong tháng và phân công công tác cho tháng tiếp theo. Kết quả kiểm điểm của công tác hàng tháng được lưu giữ làm cơ sở cho việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng quý, 06 tháng và đánh giá năm của cá nhân và đơn vị.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố:

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và giúp đỡ về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố nhằm đảm bảo sự thống nhất về hoạt động của ngành, đồng thời chịu trách nhiệm thực hiện và báo cáo công tác chuyên môn theo yêu cầu của lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện. Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường trực tiếp nhận chỉ thị và nội dung công tác của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

- Tham dự đầy đủ các cuộc hội họp do Ủy ban nhân dân huyện triệu tập. Thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện đối với lĩnh vực được phân công. Đề xuất các biện pháp chuyên môn về quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực phụ trách của Phòng.

- Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường được sự ủy nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện báo cáo hoặc giải trình những vấn đề có liên quan thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Phòng trong kỳ họp của Hội đồng nhân dân huyện.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện quan hệ với các cơ quan chuyên môn là quan hệ cùng cấp, quan hệ phối hợp với cộng đồng trách nhiệm nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung. Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc trách nhiệm của Phòng nếu chưa thống nhất với ý kiến các cơ quan chuyên môn thì Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chủ động tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

- Cán bộ tham gia các Hội đồng tư vấn, Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Ban điều hành, Tổ liên ngành... do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thành lập phải có trách nhiệm tham mưu đề xuất và chịu trách nhiệm về những đề xuất của mình, đồng thời có trách nhiệm thông tin cho lãnh đạo Phòng về những nội dung, chương trình công tác của cơ quan đó.

4. Đối với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất:

- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường do Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập.

- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, tổ chức biên chế và mối quan hệ công tác của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 38/2004/TTLT/BTNMT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

5. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có mối quan hệ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện để tham gia vận động các tổ chức và cá nhân chấp hành tốt các quy định của pháp luật và tích cực hưởng ứng các hoạt động nhằm tăng cường quản lý, khai thác và bảo vệ có hiệu quả tài nguyên và môi trường của địa phương, tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức và cá nhân tham gia ý kiến với Phòng trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ của ngành.

- Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

6. Đối với Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn:

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tại địa phương; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ Địa chính - Xây dựng xã, thị trấn; hàng tuần giao ban cán bộ Địa chính - Xây dựng các xã, thị trấn nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Trưởng phòng đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự thỏa thuận của Trưởng Phòng Nội vụ huyện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Cách Mạng

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng